

Số: 15 /BC-THCS&THPT XT

Xuân Trường - Đà Lạt, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 12 THÁNG NĂM 2025

(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS và THPT Xuân Trường đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS và THPT Xuân Trường, phường Xuân Trường – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Tổ dân phố Cầu Đất, phường Xuân Trường - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0633838104

Website: <https://trunghocxuantruongdl.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

a. Sứ mạng

“Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân”

b. Tầm nhìn:

“Hội nhập nhanh, phát triển về quy mô và chất lượng để góp phần đóng góp vào thành tích của ngành GDĐT tỉnh Lâm Đồng, khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB- GV- NV và học sinh, được công nhân lại trường Đạt trường Chuẩn quốc gia.

c. Các giá trị cốt lõi: Tinh thần, trách nhiệm - Sáng tạo đổi mới, Hợp tác, chia sẻ - Đoàn kết, dân chủ, Kỷ cương, nền nếp - Truyền thống, hội nhập Xây dựng môi

trường học tập thân thiện, an toàn, chủ động tìm hiểu tri thức; trang bị nền tảng đạo đức, kỹ năng giúp các em trở thành công dân toàn cầu.

d. Mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giáo dục trung học phổ thông nhằm trang bị kiến thức công dân; bảo đảm cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS và THPT Xuân Trường được thành lập theo Quyết định số 603/QĐ-CTUB ngày 28 tháng 8 năm 1985 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập trường phổ thông cấp II-III Xuân Trường trường tọa lạc tại thôn Cầu Đất, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Đến tháng 9 năm 1996 trường được chuyển về địa điểm mới tại thôn Cầu Đất, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và theo QĐ số: 832/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc đổi tên trường thành Trường THCS&THPT Xuân Trường.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Trường THCS và THPT Xuân Trường, thành phố Đà Lạt không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trên địa bàn các xã. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường luôn được nâng cao, trường có nhiều năm đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; được UBND tỉnh tặng Bằng khen công nhận nhà trường đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022 – 2023; năm học 2021-2022 nhà trường được vinh dự được tặng Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 1411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công đoàn được Ban chấp hành Công đoàn giáo dục Việt Nam tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” năm học 2023-2024; Đoàn trường được Trung ương Đoàn tặng cờ thi đua đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm học 2022-2023; Liên Đội được Ban thường vụ Trung ương đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thanh thiếu nhi năm học 2022-2023, năm học 2024-2025 trường THCS và THPT Xuân Trường được UBND tỉnh

tặng Bằng khen đã có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025 và nhiều thành tích khác.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Ông Trần Duy Luật

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố Cầu Đất, phường Xuân Trường - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633838104

Gmail: c23xuantruong.lamdong@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định số 603/QĐ-CTUB ngày 28 tháng 8 năm 1985 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập trường phổ thông cấp II-III Xuân Trường; Quyết định số: 832/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc đổi tên trường thành trường THCS&THPT Xuân Trường.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

+ Quyết định kiện toàn Hội đồng trường, nhiệm kỳ 2020-2025 (Quyết định số: 915/QĐ-SGD&ĐT, ngày 24 tháng 9 năm 2024, của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng).

+ Hội đồng trường THCS và THPT Xuân Trường được thành lập theo Quyết định số 915/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 09 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thành phần gồm:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Trần Duy Luật	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Đình Khải	Phó Bí thư Chi bộ – Phó Hiệu trưởng	
3	Phạm Thị Thanh An	Giáo viên	
4	Nguyễn Đình Thịnh	Giáo viên	
5	Nguyễn Thị Thành Huyền	Tổ trưởng chuyên môn	
6	Trương Thị Thảo Trang	Tổ trưởng chuyên môn	
7	Nguyễn Khắc Việt	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
8	Nguyễn Minh Hoài Thư	Tổng phụ trách Đội	
9	Mời ông Phạm Dũng	Phó chủ tịch UBND xã Xuân Trường	
10	Nguyễn Song Vũ	Trưởng ban đại diện CMHS	
11	Trần Thị Quỳnh Như	Học sinh lớp 12A1	

+ Hiệu trưởng tổ chức phiên họp đầu tiên của hội đồng trường để bầu Chủ tịch Hội đồng trường bằng phiếu kín; làm tờ trình đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận Ông Trần Duy Luật- Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng trường.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Trần Duy Luật

+ Ngày tháng năm sinh: 08/11/1979

+ Bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường THCS&THPT Xuân Trường ngày theo Quyết định số 714/QĐ-SGDĐT ngày 05/9/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 02 năm 02 tháng

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Đình Khải

+ Ngày tháng năm sinh: 1971

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường trường THCS và THPT Xuân Trường theo quyết định số 1311/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 của Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo Lâm Đồng.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 11 năm.

- Phó hiệu trưởng: Hồ Sỹ Chi

+ Ngày tháng năm sinh: 1984

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường trường THCS và THPT Xuân Trường theo quyết định số 1130/QĐ-SGDĐT ngày 22/11/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 06 năm.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

+ Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Quyết định số 32/2020/QĐ BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

+ Quyết định số 82/QĐ-THCS&THPT XT ngày 29/8/2025 của Hiệu trưởng trường THCS và THPT Xuân Trường về việc phân công nhiệm vụ toàn trường năm học 2025– 2026.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục giai đoạn 2023-2030; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các Nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính,

kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. (có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được Sở GDĐT Lâm Đồng giao năm 2025:

- Công văn số 64/SGDĐT-TCHC ngày 14/01/2025 của Sở GDĐT về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025: Số lượng người biên chế được giao năm 2025: 71 người.

- Số lương người Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/04/2024 của UBND tỉnh: 75 người (Viên chức 72 người, Bảo vệ 02 người, Tạp vụ: 01 người).

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THCS và THPT Xuân Trường tháng 12 năm 2025

(Có bảng kèm theo)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Diện tích đất là 12.414 m².

+ Diện tích khu đất xây dựng trường: 6.307 m².

+ Diện tích bình quân: 9.1 m²/HS.

+ Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đạt.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định (Bảng kèm theo)

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định (Bảng kèm theo)

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bảng kèm theo).

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về phòng KĐCL Sở GDĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS và THPT Xuân Trường, TP Đà Lạt đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả.

- Trường THCS và THPT Xuân Trường được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 1 vào ngày 29/11/2017 kèm theo Quyết định số 2595/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng và công nhận chuẩn quốc gia mức độ 1 lần 2 vào ngày 25/03/2025 kèm theo Quyết định số 618/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng. Tính đến nay đã được 03 tháng.

- Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

- Sở GDĐT công nhận trường THCS và THPT Xuân Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025-2026:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, Chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Đối tượng học sinh học hết THCS có giấy chứng nhận tốt nghiệp lớp 9, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn Phường Xuân Trường – Đà Lạt (02 xã Xuân Trường và Trạm Hành cũ).

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (Dự kiến)

- Mốc thời gian tuyển sinh: thực hiện theo Kế hoạch tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

- Xây dựng một “Ngôi trường hạnh phúc” đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Đã xây dựng và hoàn thành kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

- Quy chế phối hợp hoạt động giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh được xây dựng đầu mỗi năm học và thống nhất trọng hội nghị phụ huynh học sinh đầu năm. phường xã Xuân Trường – Đà Lạt về việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn trường học, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác tại trường THCS và THPT Xuân Trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

- Các hoạt động trải nghiệm.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh:

- Cấp trung học cơ sở

Khối lớp	Kế hoạch năm học 2025-2026		Thực hiện năm học 2025-2026			
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Bình quân số HS/lớp	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch (đối với HS)
6	4	210	4	201	50,3	96%
7	5	243	5	243	48,6	100%
8	5	239	5	239	47,8	100%
9	5	213	5	213	42,6	100%
Cộng	19	905	19	896	47,2	99%

- Cấp trung học phổ thông:

Khối lớp	Chỉ tiêu năm học 2024-2025		Thực hiện năm học 2024-2025			
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Bình quân số HS/lớp	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch (đối với HS)
10	3	137	3	136	45.3	99%
11	4	162	4	162	40.5	100%
12	5	176	5	176	35.2	100%
Cộng	12	475	12	474	139.5	99,8%

- Số lớp, số học sinh học 2 buổi/ngày (chia theo từng cấp học): Theo kế hoạch

- Số lượng HS nữ: 668 HS

- Số lượng HS dân tộc thiểu số: 63 HS.

- Số lượng học sinh khuyết tật: 09 HS.

- Số HS lên lớp, lưu ban, bỏ học

+ HS lên lớp năm học 2024-2025: 1293 HS, HS lưu ban: 11 HS, HS bỏ học: 10 HS

b) Kết quả đánh giá học sinh HKI năm học 2025-2026

* Học lực;

Tốt 410 (30,15%), Khá 548 (40,29%), Đạt 315 (23,16%), Chưa đạt: 87 (6,40%)

Tỷ lệ Khá, tốt: 70,44% vượt 0,44 % so với chỉ tiêu đề ra (70%)

* Rèn luyện: Tốt 1062 (78,09%), Khá 251 (18,46%), Đạt 38 (2,79%), Chưa đạt: 9 (0,66%)

Tỷ lệ Khá, tốt: 96,55 % vượt 6,55% so với chỉ tiêu đề ra (90%)

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm 2025: Tốt nghiệp THCS 136/137 HS được công nhận TN THCS chiếm tỷ lệ 99,27% vượt 0,27% so với chỉ tiêu đề ra (90%). 100% HS khối 12 đủ điều kiện thi Tốt nghiệp THPT.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách cấp: 14.409.992.000 đồng.
- Nguồn kinh phí không thường xuyên ngân sách cấp: 600.648.470 đồng.
- Nguồn thu học phí: 423.650.000 đồng.
- Nguồn thu khác: 66.150.000 đồng.

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền thanh toán tiền lương và phụ cấp theo lương: 13.087.617.740 đồng.
- Chi khác: 1.322.374.260 đồng.
- Chi lương bảo vệ: 42.000.000 đồng.
- Chi thưởng NĐ 73: 1.073.000.000 đồng.
- Chi sửa chữa mua sắm, chuyển ngạch: 558.648.470

c) Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Học phí THCS: 60.000đ/tháng/HS.
- Học phí THPT: 70.000đ/tháng/HS.

d). Số dư các quỹ theo quy định:

- Nguồn học phí: 650.763.961 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

- Đánh giá viên chức năm học 2025- 2026: Viên chức không giữ chức vụ quản lý: Tổng 70 người, có 13 người HTXS NV (chiếm tỷ lệ 18,6%), có 54 người hoàn thành tốt nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ 77.1%), có 03 người HTNV (chiếm tỷ lệ 4.3%). Viên chức giữ chức vụ quản lý, Tổng 03, có 01 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 02 hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đánh giá thi đua năm học 2024- 2025: Trường đề nghị:

- + 61 CB, GV, NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến
- + 09 CB, GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- + 08 GV, NV được giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng.
- + 01 GV được bằng khen của UBND Tỉnh Lâm Đồng.

+ UBND tỉnh tặng Bằng khen đã có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025

+ 14 CB, GV được Giám đốc Sở GDĐT tặng Giấy khen đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” giai đoạn 2020 – 2025.

- Thành tích GV và HS:

STT	NỘI DUNG	THÀNH TÍCH
1	HSG cấp tỉnh	Đạt 09 giải trong đó 03 giải Nhì, 01 giải Ba, 05 KK.
2	Cuộc thi Moswc cấp tỉnh	Đạt 01 KK
3	Hùng biện tiếng Anh	Đạt 01 Giải KK
4	Tham gia cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh	Đạt 01 giải Ba
5	Hội thi STEM TP	Đạt 02 giải Ba
6	Hội thi tin học Tin học thiếu nhi TP	Đạt 03 giải KK
7	Tham gia Hội thi trung thu năm 2024 do trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh tổ chức	Đạt 01 giải Nhì
8	Hội thi Viết chữ đẹp cấp thành phố	Đạt 02 giải KK
9	Ngày hội văn học thành phố	Đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì
10	Cuộc thi vẽ tranh chào mừng ngày thành lập đội và 135 ngày sinh Nhật Bác	Đạt 02 giải Nhì
11	Hội thi English in your life (cấp TP)	Đạt 01 Giải KK
12	Cuộc thi "Học sinh Trung học với kiến thức pháp luật về an toàn giao thông" cấp tỉnh	Đạt 01 giải Ba
13	Giải Violympic Tin học cấp thành phố	Đạt 03 HCD
14	Cuộc thi tìm hiểu “50 năm Đà Lạt ngày giải phóng”	Đạt giải Ba tập thể tuần 5
15	Thể dục thể thao	- Đại hội TDTT cấp TP: 9 HCV, 8HCB,7HCD Giải Aerobic các câu lạc bộ cấp tỉnh đạt 01 HCV cấp THPT, 01 HCB cấp THCS. - Bóng đá nam cấp THCS và cấp THPT do Thành đoàn tổ chức. Đạt HCD - Đại hội TDTT cấp tỉnh: THPT đạt 01 HCV, 01 HCB, 04 HCD. - Giải karatedo quốc gia khu vực miền trung Tây nguyên đạt 02 HCV, 01 HCD
16	GV dạy giỏi cấp cơ sở	Có 13 GV được công nhận
17	GV dạy giỏi cấp thành phố	Có 03 GV được công nhận
18	GV dạy giỏi cấp tỉnh	Có 07 GV được công nhận
19	Cuộc thi an toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp quốc gia	Có 01 GV đạt giải KK

20	Thế dục thể thao cấp tỉnh cụm Đà Lạt	Cá nhân: 03 HCD Tập thể: 04 HCV, 03 HCB, 02 HCD
21	Cuộc thi Khoa học sáng tạo cấp tỉnh	Đạt 01 giải Ba
22	Cuộc thi Aerobic THPT cấp các câu lạc bộ tỉnh do Trung tâm Thanh thiếu niên tỉnh tổ chức	Đạt 01 giải KK
23	Hội thi văn nghệ cấp phường chào mừng kỷ niệm 43 năm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	Đạt 02 giải Nhì
24	Hội thi vẽ tranh các câu lạc bộ cấp tỉnh do Trung tâm Thanh thiếu niên tỉnh tổ chức	Đạt 01 giải Nhì, 01 giải KK
25	Hội thi viết chữ đẹp các câu lạc bộ cấp tỉnh do Trung tâm Thanh thiếu niên tỉnh tổ chức	Đạt 05 giải Ba, 04 giải KK
26	Hội thi hóa trang các câu lạc bộ cấp tỉnh do Trung tâm Thanh thiếu niên tỉnh tổ chức	Đạt 01 giải Ba và 01 giải KK
27	Đại hội TDTT cấp phường	Đạt 8 HCV, 11 HCB, 15 HCD

Nơi nhận:

- Đăng trang Web của trường;
- PHHS, CB-GV-NV;
- Lưu: VP.



Trần Duy Luật

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THCS và THPT Xuân Trường, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	74	0	12	55	0	3	3	50	12	0	13	53	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	64													
1	Toán	11	0	2	9		0	0	9	2		1	10	0	0
2	Lý	7	0	1	6		0	0	6	1		1	6	0	0
3	Hóa	6	0	2	4		0	0	3	2		2	4	0	0
4	Sinh	4	0	1	3		0	0	3	1		1	3	0	0
5	Văn	9	0	2	7		0	0	8	1		3	6	0	0
6	Sử	3	0	0	3		0	0	2	0		0	3	0	0
7	Địa	3	0	1	2		0	0	2	0		0	3	0	0
8	Công dân	2	0	0	2		0	0	2	0		0	2	0	0
9	Ngoại ngữ	7	0	2	5		0	0	6	0		1	6	0	0
10	Thể dục	3	0	0	3		0	0	2	1		0	3	0	0
11	Âm nhạc	1	0	0	1		0	0	1	0		0	1	0	0
12	Mỹ thuật	1	0	0	1		0	0	0	0		0	0	0	0
13	Quốc phòng	1	0	0	1		0	0	1	0		0	1	0	0
14	Công nghệ	2	0	0	2		0	0	1	1		0	2	0	0
15	Tin Học	4	0	0	4		0	0	3	1		1	3	0	0
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0		0	0	0	1		1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2		0	0	1	1		2	0	0	0

III	Nhân viên	7												
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0		1	0						
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1		0	0	1					
3	Thủ quỹ	0	0	0	0		0	0						
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0		1	0						
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	0		1	0						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	Nhân viên HĐ	3	0	0	0		0	3						

Xuân Trường - Đà Lạt, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Duy Luật

Xuân Trường-Đà Lạt, ngày 12 tháng 12 năm 2025

CÔNG KHAI

Hiện trạng cơ sở vật chất đối chiếu với Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020

STT	Nội dung	Quy định mới (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020)			Hiện trạng của trường (đánh dấu "x" vào ô tương ứng nếu đạt Giải thích rõ lý do vào ô tương ứng nếu không đạt)			
		Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng g	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
	Quy Mô	Trường trung học phổ thông Tối thiểu 15 lớp; tối đa 45 lớp Trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô tối thiểu 09 lớp và tối đa 45 lớp			31	x	x	x
	Diện tích	bình quân tối thiểu 10 m ² /1 HS. trường có tổ chức nội trú: diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú bảo đảm 6m ² /1 HS.			9,16	x	x	x
1	Khối phòng học tập	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng g	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
1.1	Phòng học	bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; 1,50m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 45m ² /phòng			0,64; 0,71; 48	x	x	x
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	Tối thiểu 01 phòng; 2,45m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng			01	x	x	x
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	Tối thiểu 01 phòng; 2,45m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng			0	Không có		
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	Tối thiểu 01 phòng; 2,45m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng			0	(Dùng chung phòng Vật lý)		
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	Tối thiểu 01 phòng; 2 m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng		2	x	x	x

		60m ² /phòng					
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	Tối thiểu 01 phòng; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.7	Phòng học đa chức năng	Tối thiểu 01 phòng; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.8	Phòng học bộ môn Vật lý	Tối thiểu 01 phòng 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.9	Phòng học bộ môn Hóa học	Tối thiểu 01 phòng 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.10	Phòng học bộ môn Sinh học	Tối thiểu 01 phòng 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	0	Dùng chung phòng Hóa học		
1.11	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	-	Tối thiểu 01 phòng 1,50 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng 1,50 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	0	-	x

2	Khối phòng hỗ trợ học tập	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
2.1	Thư viện	mỗi trường có tối thiểu 01 thư viện; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh; 0,60m ² / HS	phòng đọc cho học sinh tối thiểu 45 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 20 chỗ. 0,60m ² / HS; phòng đọc 2,40m ² /chỗ Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số HS toàn trường		1	x	x	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ đựng; 48m ² /phòng			0	Không có (tận dụng phòng chuẩn bị của phòng âm nhạc)		
2.3	Phòng tư vấn học đường	Bảo đảm có 01 phòng; 24m ² /phòng			1	x	x	
2.4	Phòng Đoàn Thanh niên	bảo đảm có 01 phòng 0,03m ² / HS		Có phòng riêng. 0,03m ² / HS	1	x	x	x
2.5	Phòng truyền thống	bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị; 48m ² /phòng; Trường hợp kết hợp với Phòng Đoàn Thanh niên, diện tích tối thiểu 54m ²		Có phòng riêng. 48m ² /phòng	1	x	x	
3	Khối phụ trợ	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
3.1	Phòng họp	có 01 phòng; 1,20m ² /người			1	x	x	x
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	tối thiểu 01 phòng sử dụng chung	có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn; 30m ² /phòng		0	Không đạt: Đang	Không đạt: Đang	

		cho các tổ; đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp, có tối thiểu 02 phòng; 30m ² /phòng			ghép các phòng bộ môn, không có phòng riêng	đang ghép các phòng bộ môn, không có phòng riêng	
3.3	Phòng y tế trường học	bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; 24m ² /phòng		1	Không đủ diện tích		
3.4	Nhà kho	bảo đảm có 01 phòng; 48m ² /kho		0			
3.5	Khu để xe HS	0,90m ² /xe đạp; 2,50m ² /xe máy; Số lượng xe được tính từ 50% đến 70% tổng số HS toàn trường		0			
3.6	Khu vệ sinh HS	bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng 0,06m ² / HS	khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học 0,06m ² / HS	01	Không đạt: chỉ có 01 khu cho học sinh (nam/n ữ riêng biệt), không có bố trí theo các khối chức năng	x	
		Thiết bị: đối với phòng vệ sinh nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với phòng vệ sinh nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh		04/1 355	Thiếu số lượng theo tỉ lệ quy định.	x	
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	-	bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng; 12m ² /phòng	0	-	x	

3.8	Phòng giáo viên	-	-	nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định 4m ² /giáo viên	0	-	-	Không có
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
4.1	Sân trường	01 sân; bằng phẳng, có cây xanh bóng mát; 1,50m ² / HS			01	x	x	x
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² / HS; Tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350m ²	Sân thể dục thể thao ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly, có khu vực tập thể dục thể thao có mái che 0,35m ² / HS; Tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350m ²	Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn 0,35m ² / HS; Tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350m ²	01	x	x	
4.3	Nhà đa năng	-	-	450m ² /nhà	01	-	-	Không đạt: chỉ 300m ²
5	Khôi phục vụ sinh hoạt					Nhà trường không tổ chức bán trú, nấu ăn.		
5.1	Nhà bếp (Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)):	độc lập với khối phòng học và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh; 0,30m ² / HS						
5.2	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)	phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản						

		thực phẩm; 10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực				
5.3	Nhà ăn(đối với trường có tổ chức bán trú, nội trú)	0,75m ² /chỗ; Số chỗ được tính với 35% tổng số HS, giáo viên, nhân viên toàn trường				
5.4	Nhà ở nội trú học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú):	bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị; 4m ² /chỗ				
5.5	Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú)	bố trí ở khu nhà ở nội trú, dùng cho giáo viên quản lý học sinh nội trú; 9m ² /phòng				
5.6	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường có tổ chức nội trú)	bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; 0,20m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 36m ² /phòng				
5.7	Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú)	-	0,80m ² / HS			

KT. HIỆU TRƯỞNG



Hồ Sỹ Chi